

Số: **873** /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày **02** tháng **4** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp
An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Eiffel tại Văn bản số 309/CV-DA ngày 09 tháng 3 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 236/TTr-STNMT ngày 20 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Eiffel (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã: Tiền Hải, Kiến Xương, Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./p

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PV HCC (trả kết quả);
- UBND xã: Tiền Hải, Kiến Xương, Lê Lợi;
- Công ty Cổ phần Eiffel;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thin}.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
 02/04/2026 09:43:25

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng
Cụm công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
(Kèm theo Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện dự án: Các xã: Tiền Hải, Kiến Xương, Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Eiffel.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 159/14, Khu công nghiệp Gia Lễ, xã Nam Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

- Cụm công nghiệp An Ninh được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) thành lập tại Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2017, mở rộng tại Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022, phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mở rộng cụm công nghiệp tại Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023. Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 01/QĐ-UBND điều chỉnh lần thứ 2 ngày 15 tháng 01 năm 2024.

- Tính chất cụm công nghiệp (theo Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ)) gồm các ngành:

+ Phân hiện trạng, gồm các ngành: Dệt may, cơ khí, thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ.

+ Sau khi mở rộng (bao gồm phân hiện trạng và mở rộng): Là cụm công nghiệp tổng hợp đa ngành, chủ yếu là công nghiệp, chế biến, chế tạo ít gây ô nhiễm môi trường như: Cơ khí; thiết bị điện, điện tử; năng lượng điện; dệt may; da giày; thủ công mỹ nghệ; chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thiết bị, dụng cụ y tế; dụng cụ thể thao; công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp; cho thuê nhà xưởng... (ngành nghề cụm công nghiệp theo quy định tại Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) về việc ban hành lĩnh vực, ngành, nghề đầu tư vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp An Ninh trên khu đất có diện tích dự kiến là 749.102,8 m², trong đó:

+ Diện tích quy hoạch hiện có được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (đã đầu tư xây dựng) là 479.770,2 m²; gồm: Đất công nghiệp 370.244,7 m², đất các khu xử lý nước thải 2.500,0 m², đất cây xanh - mặt nước 49.887,5 m², đất giao thông 57.138,0 m².

+ Diện tích quy hoạch hiện có được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (chưa đầu tư xây dựng); đất quy hoạch hiện có chưa được Nhà nước giao đất và diện tích quy hoạch mở rộng là 269.332,6 m²; gồm:

Diện tích quy hoạch hiện có được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (chưa đầu tư xây dựng): Đất công trình hành chính, dịch vụ 12.427,8 m².

Diện tích đất quy hoạch hiện có chưa được Nhà nước giao đất 6.510,0 m²; gồm: Đất công nghiệp 4.170,3 m²; đất giao thông 2.339,7 m².

Diện tích quy hoạch mở rộng 250.394,8 m²; gồm: Đất công nghiệp 178.883,0 m², đất các khu xử lý nước thải 7.119,0 m², đất cây xanh – mặt nước 48.369,3 m², đất giao thông 16.023,5 m².

- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này không bao gồm các hoạt động sau: (1) Khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ san nền, thi công hạ tầng các công trình của Cụm công nghiệp; (2) Hoạt động của các dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.3.1. Các công trình đã đầu tư xây dựng trên diện tích quy hoạch hiện có đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất diện tích 479.770,2 m² (không bao gồm diện tích đất đã được giao 12.427,8 m² – đất công trình hành chính, dịch vụ):

- Hệ thống đường giao thông:

+ Đường gom Quốc lộ 37B G1: Phía Đông Nam cụm công nghiệp, có chiều dài 647,91m, chiều rộng 12,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè hành lang bảo vệ Quốc lộ 37B rộng 1m, vỉa hè phía cụm công nghiệp rộng 4m.

+ Đường quy hoạch D1: Đường bao phía Tây cụm công nghiệp, có chiều dài 335,68m, chiều rộng 12,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè phía sông rộng 2m, vỉa hè phía đất công nghiệp rộng 3m.

+ Đường quy hoạch D2: Là trục giao thông chính của cụm công nghiệp, đầu nối trực tiếp với Quốc lộ 37B, có chiều dài 965,24m, chiều rộng 30,0m; là tuyến đường đôi, lòng đường mỗi bên rộng 9,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m, dải cây xanh giữa rộng 3m.

+ Đường quy hoạch N1: Nằm phía Bắc cụm công nghiệp đoạn nút giao N11 đến N10 có chiều dài 205,08m; đoạn nút giao N10 đến N12 có chiều dài 95,76m; đoạn nút giao N10 đến N12 có chiều dài 42,45m, chiều rộng 16,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Đường quy hoạch N2: Nằm ở giữa cụm công nghiệp, nối từ D1 đến D2, có chiều dài 386,77m, chiều rộng 16,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Đường quy hoạch N3: Nằm ở giữa cụm công nghiệp, nối từ D1 đến D2, có chiều dài 398,24m, chiều rộng 16,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải cụm công nghiệp và Trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp với công suất 750 m³/ngày đêm.

- 01 Trạm biến áp 10KV/0,4 phục vụ cấp điện chiếu sáng, điện cho nhà máy xử lý nước thải và hệ thống điện, hệ thống cấp nước, thoát nước tương ứng với đường giao thông.

- Công trình hồ điều hòa và cây xanh quanh cụm công nghiệp.

1.3.2. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng trên diện tích quy hoạch hiện có đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (đất công trình hành chính, dịch vụ - chưa đầu tư xây dựng) là 12.427,8 m²; đất quy hoạch hiện có chưa được Nhà nước giao đất là 6.510 m² và diện tích quy hoạch mở rộng là 250.394,8 m². Tổng diện tích là 269.332,6 m²; gồm:

- San lấp mặt bằng 256.904,8 m²; gồm diện tích quy hoạch hiện có chưa được giao đất 6.510 m² và diện tích theo quy hoạch mở rộng là 250.394,8 m².

- Xây dựng các công trình trên diện tích quy hoạch hiện có đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất là 12.427,8 m²: Xây dựng công trình hành chính, dịch vụ.

- Xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng trên diện tích quy hoạch hiện có chưa được Nhà nước giao đất là 6.510 m²:

+ Đường gom Quốc lộ 37B G1 (phần còn lại): Phía Đông Nam cụm công nghiệp, có chiều dài 43,7m, chiều rộng 12,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè hành lang bảo vệ Quốc lộ 37B rộng 1m, vỉa hè phía cụm công nghiệp rộng 4m.

+ Đường quy hoạch D1 (phần còn lại): Đường bao phía Tây cụm công nghiệp, có chiều dài 124,9m, chiều rộng 12,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè phía sông rộng 2m, vỉa hè phía đất công nghiệp rộng 3m.

+ Xây dựng hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước tương ứng với đường.

- Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng theo quy hoạch mở rộng trên diện tích 250.394,8 m²:

+ Đường Quy hoạch số 1: Là tuyến đường QH số 1 (QH.N1) của cụm công nghiệp hiện có kéo dài kết nối với phần mở rộng, có chiều dài khoảng 214,5m, chiều rộng 16,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Đường Quy hoạch số 2: Có chiều dài tuyến đường khoảng 550,3 m, chiều rộng 15,5m, lòng đường 10,5m, phía giáp đường tỉnh 457 mới để hành lang cây xanh rộng 10m, vỉa hè phía dự án rộng 5m.

+ Đường bê tông hoàn trả: Quy hoạch tuyến đường giao thông chạy dọc kênh Dốc Lòng hoàn trả để quản lý, vận hành và bảo dưỡng kênh Dốc Lòng, có chiều

dài khoảng 341,5m, chiều rộng 7m, lòng đường 5,5m, lề đất phía giáp mương thủy lợi hoàn trả rộng 1,5m, phía còn lại là đất cây xanh.

- Đầu tư xây dựng và lắp đặt 01 module còn lại của Trạm xử lý nước thải với công suất 750 m³/ngày đêm (trên diện tích đất XLN đã được giao).

- Xây dựng đường dây 35kV đi nổi trên vỉa hè của cụm công nghiệp đảm bảo cung cấp điện sản xuất cho từng nhà máy, xí nghiệp.

- Trồng cây xanh trên diện tích quy hoạch đất cây xanh.

- Đất mặt nước có diện tích 17.900,1 m²: Xây dựng mương tưới tiêu hoàn trả chạy bám sát ranh giới khu vực mở rộng quy hoạch, tạo điểm nhấn về kiến trúc cũng như tạo khoảng cách của cụm với khu vực ngoài ranh giới dự án.

- Xây dựng hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước tương ứng với đường.

- Đầu tư hoàn trả kênh Dốc Lòng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ phá dỡ, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông ra vào cụm công nghiệp; mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; nước thải sau xử lý sơ bộ từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp và nước thải từ hoạt động quản lý vận hành hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động quản lý vận hành hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

- + Giai đoạn xây dựng:

Nước thải xây dựng: Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 3,4 m³/ngày, nước thải quá trình rửa xe vận chuyển khoảng 4,5 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng; nước thải sinh hoạt khoảng 2,0 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, COD, TSS, amoni (tính theo N), tổng Nitơ, tổng Phốt pho, tổng Coliform, sunfua, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải từ các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, vận hành hạ tầng kỹ thuật khoảng 1.405 m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, BOD₅, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ khoáng, amoni, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình san lấp mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu; bụi, khí thải từ quá trình thi công các hạng mục công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông vận tải và hoạt động của các dự án thứ cấp trong CCN; mùi từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh khoảng 40 kg/ngày.

+ Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 20 kg/ngày (từ hoạt động của Ban quản lý cụm công nghiệp).

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn phát sinh từ quá trình dọn dẹp mặt bằng dự án với tổng khối lượng khoảng 130 tấn; đất hữu cơ từ hoạt động bóc tách lớp đất bề mặt khoảng 5.653,73 m³; khối lượng vét bùn khoảng 3.533,58 m³; chất thải rắn xây dựng khoảng 574,662 tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn cặn từ bể tự hoại (từ hoạt động của Ban quản lý cụm công nghiệp) khoảng 3,5 tấn/năm; bùn cặn từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải khoảng 2,8 tấn/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Khoảng 3.360,72 kg/năm, thành phần bao gồm: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, linh kiện, thiết bị điện tử thải, vỏ thùng đựng sơn, xỉ hàn, cặn sơn thải....

+ Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật, gồm: Chất thải nguy hại khoảng 600 kg/năm (gồm: Pin, ắc quy chì thải và các loại dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải); Chất thải phải kiểm soát phát sinh với khối lượng khoảng 1.032 kg/năm (gồm: Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng nhựa; Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung).

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy xúc, máy ủi, máy cày, xe tải nặng, máy khoan, máy ép cọc...và hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông trong cụm công nghiệp, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải phát sinh từ rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom, xử lý bằng hệ thống bể tách dầu, bể lắng, nước thải sau xử lý được tái sử dụng, không xả ra môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động có bể chứa nước thải, nước thải được vận chuyển, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện có của cụm công nghiệp.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa phần hiện trạng đã đầu tư gồm các cống D400, D600, D800, trên tuyến bố trí 147 hố thu, 83 hố ga, 04 cửa xả.

Hệ thống thoát nước mưa tiếp tục đầu tư gồm các cống D400, D800, 2 cống hộp, trên tuyến bố trí 37 hố thu, 02 cửa xả.

+ Hệ thống thoát nước thải:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải hiện trạng đã đầu tư gồm đường ống HDPE D315, ống lồng thép đen D350, 115 hố ga các loại.

Hệ thống thu gom nước thải tiếp tục đầu tư gồm đường ống HDPE D315, ống lồng thép D350, 28 hố ga.

Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối, được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày đêm (gồm 02 module, công suất 750 m³/ngày đêm/module; đã đầu tư module 01, tiếp tục bổ sung đầu tư module 02), xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, dẫn qua mương quan trắc nước thải tự động, liên tục, thoát ra kênh Dốc Lòng hoàn trả tại 01 cửa xả tại vị trí: $X_{(m)} = 2257016.835$; $Y_{(m)} = 601204.204$ (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

(1) Modul 01 (đã đầu tư xây dựng): Nước thải → Bể gom (có thiết bị tách rác) → Bể điều hòa → Bể phản ứng hóa lý (Bể phản ứng đông tụ → Bể keo tụ tạo bông → Bể ổn định) → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aeroten → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động, liên tục (chung của 02 module) → Nguồn tiếp nhận.

(2) Modul 02 (đầu tư mới): Nước thải tại bể gom của Module 01 → Bể điều hòa → Bể phản ứng hóa lý (Bể phản ứng đông tụ → Bể keo tụ tạo bông → Bể ổn định) → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aeroten → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động, liên tục (chung của 02 module) → Nguồn tiếp nhận.

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án bảo đảm tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực trạm xử lý nước thải, bảo đảm khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng được thu gom, phân loại và lưu giữ trong bãi chứa tạm tại công trường thi công, được phủ bạt chống phát tán bụi và thiết kế bờ bao phòng chống rửa trôi khi trời mưa; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các thùng đựng có nắp đậy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành và trên các tuyến đường giao thông của cụm công nghiệp, chủ dự án có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ tại các thùng chứa chất thải sinh hoạt đặt tại các khu vực phát sinh sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa, bùn cặn từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và

Nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp phải được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải.

+ Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý trước khi tái sử dụng, không xả ra môi trường.

+ Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Cụm công nghiệp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả môi trường. Không được phép xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn quy định.

+ Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm trạm xử lý nước thải luôn vận hành bình thường.

+ Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Quây rào bằng tôn chắn xung quanh khu đất, phun nước làm ẩm, che chắn bãi chứa vật liệu tạm tránh phát tán bụi; kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường, được vệ sinh sau khi vận chuyển; vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công giảm thiểu phát sinh bụi.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trồng cây xanh trong khu vực dự án bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

+ Đầu tư hệ thống thu gom nước thải kín; thực hiện đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải; bảo đảm việc cấp khí cho các bể xử lý nước thải; thu gom, ép bùn, quản lý bùn thải sau khi ép tránh phát tán mùi ra môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Giai đoạn vận hành:

Bố trí kho lưu giữ diện tích 21 m² nằm trong khu đất của trạm xử lý nước thải tập trung; sử dụng các bao bì, thùng chứa có nắp đậy để lưu chứa.

Riêng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sau khi ép bùn được lưu giữ tại kho diện tích 21 m² nằm trong khu đất trạm xử lý nước thải.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải nguy hại theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn bảo đảm mức ồn nằm trong giới hạn cho phép, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình thi công; hạn chế thi công đồng thời các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, tránh thi công vào giờ cao điểm.

- Giai đoạn vận hành: Lắp đặt thiết bị chống ồn, rung, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc của trạm xử lý nước thải tập trung; trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý tập trung và các vị trí theo quy hoạch.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố dung tích 1.630 m³. Sau khi khắc phục xong sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn quy định.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung, bảo đảm tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm bảo đảm hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

+ Vị trí quan trắc: 02 vị trí tại khu vực công trường xây dựng và khu vực dân cư gần công trường xây dựng.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

5.1.3. Giám sát nước thải, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đối với phân cụm công nghiệp đang hoạt động như nêu tại Mục 5.2.

5.2. Giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát nước thải:

- Giám sát nước thải tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí, tại bể gom và tại vị trí xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: Toàn bộ thông số ô nhiễm nêu tại Bảng 1, Bảng 2 QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (trừ các thông số đã giám sát tự động, liên tục).

+ Tần suất giám sát: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, Cột A.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, thuê đất theo quy định; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; bảo đảm phù hợp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025. Yêu cầu các dự án thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định hiện hành; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, độ rung; bảo đảm chất lượng nước mưa chảy tràn; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để bảo đảm việc tập kết vật liệu xây dựng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Thực hiện đúng các quy định của nhà nước; phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, xây dựng, kinh doanh bất động sản; thuỷ lợi; xả nước thải vào nguồn nước, tài nguyên nước, các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro cho môi trường.

- Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án bảo đảm nhằm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ được đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và được cấp giấy phép môi trường theo quy định; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Chịu trách nhiệm và cam kết bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư xây dựng./.